

Những quan điểm đột phá trong phát triển đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới của Việt Nam

Nguyễn Anh Cường*

Nhận ngày 28 tháng 6 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 9 năm 2022.

Tóm tắt: Thành công của Việt Nam trong quá trình đổi mới đã tạo ra thế và lực mới ngày càng nổi bật, uy tín được gia tăng trong khu vực và trên thế giới. Đó là điều không thể phủ nhận, cho dù có nhiều cách tiếp cận nghiên cứu khác nhau. Những thành công trong phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, phát triển trong chính trị, văn hóa, xã hội gắn liền với những điểm đột phá trong tư duy đổi mới hội nhập quốc tế. Hội nhập theo phương châm độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa, là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, vừa hợp tác vừa đấu tranh và cùng có lợi. Hội nhập để tranh thủ và học tập những thành tựu mà nhân loại đã đạt được, đưa những thành tựu đó đến với quốc gia, đến với dân tộc Việt Nam.

Từ khóa: Chính sách đối ngoại Việt Nam, ngoại giao Việt Nam, Hội nhập quốc tế, Đổi mới ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: Vietnam's success in the renovation process has created a new position and force that is increasingly prominent, and its prestige has been increased in the region and in the world. That is undeniable from several different research approaches. Successes in economic development, improvement of people's living standards, political, cultural and social developments are associated with breakthroughs in innovative thinking about international integration. Integration is under the motto of independence, self-reliance, openness, multilateralization, diversification, being a friend, a reliable partner, a responsible member in the international community, both cooperation and competition, and mutually beneficial. Integration is to take advantage of and learn from the achievements that mankind has got, and bring those achievements to the country, to the people of Vietnam.

Keywords: Vietnam's foreign policy, Vietnam's diplomacy, international integration, *Đổi mới* in Vietnam, Communist Party of Vietnam.

Subject classification: Politics

1. Mở đầu

Sau 35 năm thực hiện đường lối đổi mới ở Việt Nam, nhiều câu hỏi đã được đặt ra như: Đường lối đối ngoại đổi mới ở Việt Nam bắt đầu từ khi nào? Quan điểm nào trong đối ngoại Việt Nam đã tạo ra sự đột phá? Biểu hiện nào thể hiện cho sự đột phá đó? Để góp phần trả lời cho những câu hỏi này, bài viết tập trung vào phân tích những quan điểm trong đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam và sự chuyển biến tích cực trong việc so sánh với các quan điểm trước đó, đồng thời kiểm chứng với những thành tựu trong hoạt động ngoại giao của Việt Nam. Với cách làm như vậy, bài viết tìm cách chỉ ra và lập luận cho những điểm đột phá được trình bày.

Ngoài ra, trong thực tế, cũng có ý kiến băn khoăn là tại sao chính sách đối ngoại của Việt Nam lại được thể hiện trong các Văn kiện của các đại hội hay các hội nghị Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam? Nhà nước Việt Nam có vai trò gì trong hoạch định chính sách đối ngoại? Với câu hỏi

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Email: nguyenganhcuong@ussh.edu.vn

này, bài viết căn cứ vào định nghĩa: “Chính sách đối ngoại của Việt Nam là toàn bộ những chủ trương, quan điểm, đường lối, biện pháp của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế trên thế giới nhằm điều chỉnh các hoạt động của Việt Nam cho phù hợp với lợi ích và những giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam trong sự phát triển chung của văn minh nhân loại” (Nguyễn Anh Cường, Phạm Quốc Thành, 2018, tr.11). Từ định nghĩa này, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam chính là các chủ thể hoạch định chính sách đối ngoại mà bài viết sẽ tập trung phân tích.

Một điều cũng được đặt ra khi nghiên cứu là chính sách đối ngoại Việt Nam được hoạch định theo khung lý thuyết gì, hay theo trường phái đối ngoại nào đã có trên thế giới. Câu trả lời sẽ có trong phần kết luận của bài viết, nhưng chắc sẽ làm cho nhiều người ngạc nhiên. Điều ngạc nhiên đó giống như khi so sánh với sức sống bền bỉ của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Một quốc gia dân tộc với hơn hai nghìn năm lịch sử nhưng phải đương đầu với hơn nghìn năm Bắc thuộc, cùng với hơn chục cuộc chiến tranh với các đế quốc hùng mạnh nhất thế giới trong hàng thế kỷ¹. Việt Nam, một quốc gia dân tộc vẫn can trường, bất khuất, chiến đấu và chiến thắng, rồi lại hòa hiếu với thế giới để phát triển cùng nhân loại. Điều có được đó phải chăng chính là nhờ một phần từ những giá trị rất riêng, độc đáo trong đối ngoại mà chính dân tộc Việt Nam tạo ra. Nó được tổng kết trong một thuật ngữ mới là Trường phái đối ngoại Cây tre Việt Nam.

Bằng việc phân tích bối cảnh lịch sử và những điểm đột phá trong tư duy đối ngoại qua 35 năm đổi mới ở Việt Nam, bài viết sẽ cho thấy ba quan điểm quan trọng tạo nên những bước ngoặt này, đồng thời chỉ ra triển vọng mới cho chủ trương hội nhập quốc tế của Việt Nam với việc xây dựng Trường phái đối ngoại Cây tre Việt Nam.

2. Khủng hoảng cần lời giải

Từ năm 1975 đến năm 1985, chính sách đối ngoại của Việt Nam về cơ bản tập trung vào lĩnh vực đối ngoại chính trị, và chịu ảnh hưởng nặng nề của tư duy ý thức hệ, cùng với sự chi phối của cuộc Chiến tranh lạnh giữa hai hệ thống chính trị - xã hội đương đại. Điều này được thể hiện rõ trong các văn kiện Đại hội IV và V của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội IV (tháng 12/1976) chủ trương: “Ra sức củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác giữa nước ta với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa anh em,... làm cho lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ngày càng thắng lợi rực rỡ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1977, tr.178). Đại hội V (tháng 3/1982), tiếp tục nhấn mạnh: “Thắt chặt tình hữu nghị và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa là vấn đề hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1982, tr.144). Thực hiện chủ trương đó, hoạt động đối ngoại Việt Nam ở giai đoạn này vừa phục vụ lợi ích đất nước, vừa gắn với nghĩa vụ quốc tế trong việc góp phần vào cuộc đấu tranh nhằm giải quyết vấn đề “ai thắng ai” giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1977, tr.77).

Cũng trong thời kỳ này, các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới xảy ra tình trạng nhà nước thì quan liêu trong quản lý, quần chúng nhân dân thì thờ ơ, thụ động, các hiện tượng tiêu cực trong xã hội vì thế ngày càng tăng. Các nước này đều trong tình trạng năng suất lao động thấp kém. Trong đó, những khó khăn về kinh tế là nguyên nhân cho những mâu thuẫn gay gắt về chính trị, xã hội. Tất cả đã cho thấy những dấu hiệu của sự khủng hoảng trong cả hệ thống xã hội chủ nghĩa (Tamás Vonyó, Alexander Klein, 2017).

¹ Trong các cuộc chiến tranh ở Việt Nam, kẻ thù ở mỗi một thời kỳ đều là những nước lớn có tiềm lực kinh tế và quân sự hùng mạnh hàng đầu thế giới: Tần, Hán, Đường, Tống, Minh, Thanh, Pháp, Nhật, Mỹ. Các cuộc kháng chiến của Việt Nam có vài thắng lợi nhanh chóng như thời Ngô Quyền đánh Nam Hán, Lê Hoàn chống Tống, Nguyễn Huệ chống Thanh, còn lại thường phải tiến hành trong thời gian dài hàng chục năm, với tổng thời gian lên đến hơn thế kỷ, như chống xâm lược Minh trong 20 năm, chống Pháp lần thứ nhất hơn 80 năm, chống Pháp lần thứ hai 9 năm, chống Mỹ 20 năm.

Thời gian đó, ở Việt Nam: “Trong mười năm qua, ta đã phạm nhiều sai lầm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế” (Ban Tư tưởng văn hóa Trung ương 2005, tr.9). Việt Nam đã rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội: kinh tế tăng trưởng thấp và thực chất không có phát triển. Tính chung từ năm 1976 đến 1985, tổng sản phẩm quốc nội tăng 50,5%, bình quân tăng hàng năm chỉ ở mức 4,6%; thu nhập quốc dân tăng 38,8%, bình quân tăng hàng năm chỉ 3,7%, trong khi tỷ lệ tăng dân số trung bình hàng năm 2,3%; nền kinh tế không có tích lũy từ bên trong vì làm ra mà không đủ ăn, thu nhập quốc dân sản xuất so với thu nhập quốc dân sử dụng chỉ bằng 80-90%; siêu lạm phát hoành hành lên tới 774,7% vào năm 1986. Suốt những năm 1976-1985 chỉ số giá bán lẻ hàng hóa năm sau so năm trước luôn ở mức hai con số và giao động từ 19-92%. Đời sống nhân dân hết sức thiếu thốn, khó khăn (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2021).

Đặc biệt, trên thế giới, cục diện chính trị thay đổi nhanh chóng, phức tạp, hình thành bước ngoặt cơ bản trong quan hệ giữa các quốc gia. Các quốc gia dần chuyển từ đối đầu sang đối thoại, trong khi các nước lớn đẩy mạnh hòa hoãn và cải thiện quan hệ với nhau. Các nước lớn trên thế giới chuyển hướng hoặc điều chỉnh chiến lược phát triển, chú trọng vào nội lực, tăng cường chạy đua kinh tế và cạnh tranh trên nhiều lĩnh vực. Trong đối nội, họ tích cực đẩy mạnh các chương trình “chấn hưng kinh tế”, “cải tổ”, “cải cách mở cửa” hoặc “bốn hiện đại hóa”. Trong đối ngoại, các nước lớn tìm cách hòa hoãn, cải thiện quan hệ theo từng cặp, vừa hợp tác vừa đấu tranh, và kiềm chế lẫn nhau.

Trong bối cảnh đó, chủ trương đối ngoại của Đại hội lần thứ VI (tháng 12/1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn được hoạch định trên cơ sở ý thức hệ và phương thức tập hợp lực lượng theo đặc trưng của thời kỳ Chiến tranh lạnh. Tuy nhiên, nghị quyết của Đại hội VI cũng cho thấy những điểm đổi mới về tư duy đối ngoại. Đầu tiên là việc rút ra bài học cần phải đổi mới cách thức tập hợp lực lượng: “Phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1987, tr.30). Tiếp đó là nhận thức về xu thế mở rộng phân công, hợp tác giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế - xã hội khác nhau, đây cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó, Đảng chủ trương “sử dụng tốt mọi khả năng mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật với bên ngoài để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1987, tr.31). Đại hội VI còn thể hiện sự chuyển biến nhận thức về đối ngoại kinh tế trong quan hệ với đối ngoại chính trị - khẳng định kinh tế đối ngoại có vị trí hàng đầu trong tổng thể chính sách đối ngoại nói chung cũng như đối với nhiệm vụ ổn định, phát triển kinh tế đất nước: “Nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế trong chặng đường đầu tiên cũng như sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của nước ta tiến hành nhanh hay chậm, điều đó phụ thuộc một phần quan trọng vào việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1987, tr.81).

Sau Đại hội VI, tình hình thế giới và trong nước chuyển biến hết sức nhanh chóng và phức tạp. Trong bối cảnh mới, Việt Nam có thể học tập và thừa hưởng những thành tựu mới của khoa học và công nghệ hiện đại nhằm sớm khắc phục khủng hoảng trong kinh tế - xã hội, tiến tới đối thoại để cải thiện quan hệ với các nước trong khu vực. Mặt khác, bối cảnh mới cũng có tác động tiêu cực đến Việt Nam, nhất là diễn biến xấu của công cuộc cải tổ, cải cách ở Liên Xô, Đông Âu và cuộc phản kích của chủ nghĩa đế quốc cùng các thế lực thù địch chống chủ nghĩa xã hội.

Việt Nam tiếp tục đương đầu với những khó khăn chồng chất. Trong khi Chính phủ Mỹ không ngừng siết chặt cấm vận và tạo sức ép lên các nước khác để chống Việt Nam. Vấn đề Campuchia chưa được giải quyết dứt điểm vì thế nó vẫn là con bài để các thế lực phản động quốc tế sử dụng để chống Việt Nam. Cùng với đó là vấn đề biên giới phía bắc Việt Nam, vấn đề tranh chấp quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa làm cho quan hệ Việt - Trung ngày càng căng thẳng, cản trở tiến trình bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

3. Đột phá đầu tiên - hợp tác cùng tồn tại hòa bình

Tháng 5/1988, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VI thông qua Nghị quyết 13 về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới. Đây được xem là mốc đột phá quan trọng trong việc đổi mới tư duy đối ngoại theo định hướng mới.

Nghị quyết đã nêu phương thức đấu tranh mới: “Chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ trạng thái đối đầu hiện nay sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình” với tất cả các đối tác chính. Nghị quyết đã đánh giá lại quan hệ bạn thù, không còn coi nước nào là “hòn đá tảng”², “đối lập”³ hay “kẻ thù”⁴ của Việt Nam nữa, do đó đã tạo bước ngoặt trong việc thực hiện chính sách đối ngoại đổi mới (Học viện Ngoại giao, 2009, tr.59).

Nghị quyết nhấn mạnh nhiệm vụ ngoại giao phục vụ ổn định chính trị, ưu tiên phát triển kinh tế là hàng đầu, đồng thời bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết đưa ra các chủ trương góp phần giải quyết vấn đề Campuchia, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, cải thiện quan hệ với ASEAN, mở rộng quan hệ với các nước Tây Âu, Bắc Âu và Nhật, từng bước bình thường hóa quan hệ với Mỹ... (Vũ Quang Vinh, 2000). Với những nội dung đó, Nghị quyết đã mở ra hướng giải quyết thuyết phục với các chủ thể quan trọng trong khu vực và thế giới.

Ngoài ra, Nghị quyết 13 đã cho thấy bước tiến vượt bậc trong quan điểm về sức mạnh của kinh tế với quốc phòng và quan hệ hợp tác quốc tế: “Với một nền kinh tế mạnh, một nền quốc phòng vừa đủ mạnh cùng với sự mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, chúng ta sẽ càng có nhiều khả năng giữ vững độc lập và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội hơn” (Vũ Quang Vinh, 2000). Trước đó, Đảng Cộng sản Việt Nam chưa có một quan điểm chính thức nào về mối quan hệ kinh tế - quốc phòng - hợp tác quốc tế trong việc giúp tăng cường hơn nữa khả năng giữ độc lập và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Những nhận thức đột phá của Bộ chính trị trong Nghị quyết 13 đã cho phép Việt Nam chủ động đối phó với những chuyển biến mạnh mẽ của tình hình thế giới diễn ra ngay sau đó. Đó là, từ cuối năm 1989, khi tình hình thế giới diễn biến nhanh và phức tạp, đặc biệt là sự biến đổi của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Các nước này rơi vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng nhất. Ở một số nước, các lực lượng chống chủ nghĩa xã hội đã nắm được chính quyền và tiến hành thay đổi thể chế chính trị. Đảng Cộng sản và công nhân trở thành thiểu số đối lập, có đảng tan rã nhanh, có đảng bị phân liệt, có đảng chuyển sang khuynh hướng xã hội dân chủ như ở Ba Lan, Hungari, Tiệp Khắc và Cộng hòa dân chủ Đức. Ở một số nước khác, tuy các đảng cộng sản và công nhân vẫn nắm chính quyền nhưng gặp nhiều khó khăn ở mức độ khác nhau. Có nước rối ren về chính trị, xã hội tạo cơ hội cho các lực lượng chống chủ nghĩa xã hội nổi dậy hoạt động như ở Liên Xô, Bungari, Anbani, Nam Tư...

Nhiều nội dung và nhận thức đột phá của Nghị quyết 13 đã được chính thức khẳng định lại tại Đại hội lần thứ VII (1991). Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương: “Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991, tr.18), với phương châm “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991, tr.147). Đại hội VII cũng đề ra các chính sách đối ngoại với các đối tác đã được xác định từ Nghị quyết 13.

² Năm 1986, trong Văn kiện Đại hội lần thứ VI (12/1986), Việt Nam vẫn tiếp tục xác định “Liên Xô luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1987).

³ Hay có thể nói là “đối đầu” với Trung Quốc.

⁴ Trước đó, Mỹ được xác định là kẻ thù, khi trong báo cáo công tác đối ngoại của Nhà nước vào năm 1983, Việt Nam nhận định: “Cho đến nay Mỹ vẫn giữ thái độ thù địch đối với ta. Chừng nào Mỹ còn chơi con bài Trung Quốc chống Liên Xô thì Mỹ còn tiếp tục chính sách thù địch với ta” (Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, 1983).

Đối với Lào và Campuchia, Đảng đặt ra yêu cầu phải “đổi mới phương thức hợp tác, chú trọng hiệu quả theo phương thức bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và lợi ích chính đáng của nhau. Phân đấu góp phần sớm đạt được một giải pháp chính trị toàn bộ về vấn đề Campuchia, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền của Campuchia và Hiến chương Liên Hợp Quốc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991, tr.89)

Đối với Liên Xô, “đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hợp tác Việt - Xô nhằm đáp ứng lợi ích của mỗi nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991, tr.89).

Với Trung Quốc, Đại hội chủ trương thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, từng bước mở rộng sự hợp tác Việt - Trung, giải quyết những vấn đề tồn tại giữa hai nước thông qua thương lượng (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991, tr.89).

Trong quan hệ với khu vực, chủ trương phát triển quan hệ hữu nghị với các nước ở Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, phân đấu cho một Đông Nam Á hòa bình, hữu nghị và hợp tác (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991).

Với các nước đang phát triển, Việt Nam tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị, giúp đỡ lẫn nhau; mở rộng sự hợp tác cùng có lợi.

Đối với Mỹ, Đại hội chủ trương “thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991, tr.90).

Những nhận thức trong Nghị quyết 13 và được cụ thể hóa trong Văn kiện Đại hội VII về đối ngoại đã cho thấy bước chuyển mạnh mẽ trong tư duy đối ngoại của Việt Nam. Những nhận thức mới này đã giúp khai thông cho Việt Nam giải quyết thành công vấn đề Campuchia (1991), bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (1991), bình thường hóa quan hệ với Mỹ (1995), trở thành thành viên trong ASEAN (1995). Những thành công nổi bật đó là minh chứng rõ ràng về sự đúng đắn trong chủ trương “hợp tác cùng tồn tại hòa bình” của Việt Nam.

4. Đột phá thứ hai - đa phương hóa, đa dạng hóa

Cụm từ “đa dạng hóa, đa phương hóa” lúc đầu không dùng để định hình chủ trương của chính sách đối ngoại Việt Nam mà nó được dùng chỉ xu thế đang diễn ra trong quan hệ quốc tế thể hiện trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ ba (1992) (Ban Đối ngoại Trung ương, 1992, tr.15). Cụm từ đó chỉ thực sự trở thành phương châm của đường lối đối ngoại được xác định từ Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994): “Giữ vững độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại”. Sau đó phương châm này đã thực sự được Đại hội lần thứ VIII (1996) của Đảng triển khai với nhiệm vụ đối ngoại là: “Củng cố môi trường hòa bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2015, tr.399).

Nội dung “đa phương hóa, đa dạng hóa” như được trình bày tại Đại hội VIII đó là: ra sức tăng cường quan hệ với các nước láng giềng; coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị thế giới; mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác; mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ; xúc tiến việc tham gia Diễn đàn kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Tổ chức Thương mại quốc tế (WTO); Thử nghiệm để tiến tới thực hiện đầu tư ra nước ngoài: “Tăng cường hoạt động ở Liên Hợp Quốc, tổ chức các nước sử dụng tiếng Pháp, các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, tổ chức thương mại thế giới và các tổ chức quốc tế khác. Tích cực đóng góp cho hoạt động ở các diễn đàn quốc tế, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996, tr.121) Bước chuyển biến tư duy này là cơ sở để đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ đối ngoại, đưa quan hệ đối ngoại lên tầm cao mới tạo điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và các lĩnh vực khác.

Với chủ trương “đa phương hóa, đa dạng hóa” nên từ tháng 9/1996 Việt Nam bắt đầu xúc tiến đàm phán với Mỹ về hiệp định thương mại để có thể đi đến bình thường hóa toàn diện với Hoa Kỳ. Sau bốn năm đàm phán, *Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ* (BTA) đã được ký kết. Ngày 10/12/2001, Hiệp định được chính thức đưa vào thực hiện. Nhìn chung, việc thực hiện ngoại giao

đa phương đã giúp Việt Nam có được nhiều thành tựu đối ngoại khi tham gia vào nhiều diễn đàn khu vực hoặc liên châu lục quan trọng: là thành viên Tổ chức Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) (1998); là thành viên sáng lập của Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) (1994), Diễn đàn Á - Âu (ASEM) (1996), Diễn đàn hợp tác Đông Á - Mỹ Latinh (FEALAC) (1999), Việt Nam, lần đầu tiên được bầu vào Hội đồng kinh tế - xã hội Liên Hợp Quốc (ECOSOC), nhiệm kỳ năm 1998-2000, đồng thời cũng lần đầu tiên Việt Nam được bầu làm Phó chủ tịch và quyền Chủ tịch khóa họp lần thứ 52 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. Việt Nam là thành viên của Hội đồng thống đốc Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) nhiệm kỳ 1991-1993 và 1997-1999, thành viên Hội đồng chấp hành Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF) nhiệm kỳ 1997-1998, Chủ tịch Hội nghị cấp cao các nước có sử dụng tiếng Pháp và Chủ tịch Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao các nước có sử dụng tiếng Pháp 1997-1999, thành viên của Hội đồng chấp hành của Chương trình phát triển và Quỹ dân số của Liên Hợp Quốc (UNDP/UNFPA) nhiệm kỳ 2000-2002. Tháng 5/2000, Việt Nam được bầu vào Ủy ban phát triển xã hội nhiệm kỳ 2001-2003. Từ tháng 7/2000 đến tháng 7/2001, Việt Nam đảm nhiệm chức Chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN và ARF.

Việt Nam là thành viên của hầu hết tổ chức quốc tế và diễn đàn đa phương quan trọng. Đồng thời Việt Nam với tư cách chủ trì đã tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế lớn cũng như hoàn thành nhiều trọng trách quốc tế như: Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc (2008-2009 và 2020-2021), Hội nghị cấp cao ASEAN (1998, 2010 và 2020), Hội nghị cấp cao ASEM (2004), Hội nghị thượng đỉnh APEC (2006, 2017), Diễn đàn Kinh tế thế giới về ASEAN (2018), Hội nghị thượng đỉnh Hoa Kỳ - Triều Tiên (2019). Việt Nam cũng đã cử hàng trăm lượt cán bộ, chiến sỹ tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc (Bùi Thanh Sơn, 2021). Việt Nam được bầu vào Hội đồng Thống đốc Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) (2013-2015), Chủ tịch Hội đồng Thống đốc IAEA (2013-2014), Hội đồng Chấp hành Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) (2015-2019), Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên Hợp Quốc (2015-2019), Hội đồng Chấp hành UNESCO (2017-2021), và lần đầu tiên được bầu vào Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc (nhiệm kỳ 2014-2016) với số phiếu rất cao⁵.

Đa phương hóa, đa dạng hóa đã đưa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân ngày càng mở rộng, chủ động, tích cực và đi vào chiều sâu. Trong đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có quan hệ với 247 chính đảng ở 111 quốc gia, bao gồm khoảng 90 đảng cộng sản và công nhân quốc tế, các đảng cầm quyền và tham chính có vai trò quan trọng. Quốc hội có quan hệ với quốc hội, nghị viện của hơn 140 quốc gia và tham gia tích cực tại nhiều diễn đàn nghị viện quốc tế quan trọng. Hoạt động đối ngoại của Chính phủ trên các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội được đẩy mạnh. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức hữu nghị của nhân dân cũng đã triển khai đối ngoại thiết thực (Nguyễn Phú Trọng, 2021).

Rõ ràng, việc đa dạng hóa, đa phương hóa đã thực sự đưa Việt Nam hội nhập cùng thế giới.

5. Đột phá thứ ba - đối tác, đối tượng

Sự kiện ngày 11/9/2001 đã làm cho thế giới trở nên bất an và thêm chia rẽ. Trước mối đe dọa của chủ nghĩa khủng bố, Mỹ đã phát động cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố trên phạm vi toàn cầu. Theo đó, thế giới được phân chia thành những nước hoặc theo Mỹ hoặc bị coi là theo chủ nghĩa khủng bố. Để thực hiện chiến lược này, Hoa Kỳ đã thực hiện hàng loạt các biện pháp cho phép nước này đơn phương hành động nhằm ngăn chặn các âm mưu tấn công của chủ nghĩa khủng bố kể cả khi chưa có các bằng chứng xác thực⁶.

⁵ Ngày 22/2/2021, Việt Nam thông báo với tư cách ứng cử viên ASEAN tham gia vị trí thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2023-2025.

⁶ Nội dung này được Tổng thống George W. Bush thể hiện trong nhiều bài phát biểu trong thời gian từ tháng 9/2001 đến tháng 9/2002. Xem thêm tại: <https://georgewbush-whitehouse.archives.gov/nsc/nssall.html>, truy cập ngày 22/12/2021.

Tại châu Á - Thái Bình Dương, đến năm 2002, sau nhiều năm thảo luận và đàm phán, ASEAN và Trung Quốc cuối cùng cũng đạt được thỏa thuận “Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông” (DOC). Đây là thành công ban đầu giữa các nước trong khu vực nhằm giải quyết hòa bình tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông giữa một Trung Quốc đang trỗi dậy và có ý đồ biến Biển Đông thành “ao nhà”, thỏa mãn “con khát dầu” và chiến lược vươn ra thế giới và một bên là ASEAN, nơi tập hợp các nước vừa và nhỏ trong khu vực Đông Nam Á đang mong muốn đóng vai trò chèo lái trong quá trình xây dựng cơ chế an ninh đa phương của khu vực.

“Sân chơi chính” của cuộc đua đó diễn ra chủ yếu giữa một bên là Trung Quốc (cường quốc đang trỗi dậy) và bên kia là Hoa Kỳ (siêu cường số một từ sau Chiến tranh lạnh chấm dứt). Một bên muốn xây dựng một trật tự đa phương khu vực mới với ưu thế vượt trội và một bên muốn củng cố quan hệ song phương đồng minh quân sự thông qua mô hình “trục và nan hoa”. Đứng giữa cuộc cạnh tranh đó là ASEAN với một hạt nhân rất quan trọng trong đó là Việt Nam.

Trước tình hình này, Đảng Cộng sản Việt Nam đã triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ 8 khóa IX (7/2003) và ra Nghị quyết về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Nghị quyết đã đưa ra những khái niệm mới trong quan hệ quốc tế không giống với trước đây. Đó là quan điểm về “đối tác” và “đối tượng” theo tinh thần “thêm bạn, bớt thù”: “Những ai chủ trương tôn trọng độc lập chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta; bất kể thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là đối tượng cần đấu tranh” (Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, 2003, tr.17). Đối tác và đối tượng được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định trong nguyên tắc: tiếp tục ưu tiên hàng đầu cho việc củng cố quan hệ với các nước láng giềng; thúc đẩy quan hệ với các nước và trung tâm lớn trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, không can thiệp công việc nội bộ của nhau, tạo thế đan xen lợi ích giữa các nước với Việt Nam; tránh bị rơi vào thế đối đầu, cô lập hay lệ thuộc.

Tại Hội nghị Trung ương 8, khóa IX này, lần đầu tiên Đảng đã nhấn mạnh hoạt động đối ngoại là nhằm “bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc” là một trong những mục tiêu then chốt của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Điều đó có nghĩa: bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc là nguyên tắc mà tất cả các hoạt động đối ngoại, từ đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đến đối ngoại nhân dân đều phải tuân thủ. Do vậy việc xác định đối tác hay đối tượng đều dựa trên mục tiêu và nguyên tắc cao nhất là *Lợi ích quốc gia - dân tộc*. Xác định đối tác hay đối tượng sau đó được bổ sung và trở thành nguyên tắc mới từ Đại hội lần thứ XII (2016) của Đảng. Đó là nguyên tắc: *vừa hợp tác, vừa đấu tranh* trong các hoạt động đối ngoại.

Cũng cần biết rằng, “đối tác” là cụm từ lần đầu tiên được Đảng Cộng sản Việt Nam sử dụng tại Đại hội lần thứ IX (2001) trong chủ trương *xây dựng quan hệ đối tác*, cũng như thay cho cụm từ “Việt Nam muốn là bạn với các nước trong cộng đồng quốc tế” (của Đại hội VII - 1991) bằng cụm từ của Đại hội IX là: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế”. Nhưng lần này *đối tác* không chỉ đơn thuần và một chiều tích cực mà đã được bổ sung đầy đủ và biện chứng với *đối tượng*. Trong đó, Đảng lưu ý: “Cần có cách nhìn biện chứng: trong mỗi đối tượng vẫn có thể là có mặt cạnh tranh thù, hợp tác, trong một số đối tác, có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta. Trên cơ sở đó, cần khắc phục cả hai khuynh hướng mơ hồ mất cảnh giác hoặc cứng nhắc trong nhận thức, chủ trương và trong xử lý các tình huống cụ thể” (Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, 2003, tr.18).

Từ nhận thức đột phá này, Đảng chủ trương: đối với Mỹ, chủ động đối thoại, khuyến khích xu hướng mong muốn duy trì, phát triển quan hệ với Việt Nam; tranh thủ rộng rãi chính giới, doanh nghiệp, các tầng lớp xã hội, hạn chế sự chống phá của giới cực đoan; xác định khuôn khổ quan hệ ổn định với Mỹ. Đối với các nước công nghiệp phát triển, nhất là Nhật Bản và EU, Việt Nam chủ trương tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế, đồng thời chú trọng bảo vệ chủ quyền và lợi ích của

mình. Xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với Nga và với Ấn Độ, thúc đẩy sự hợp tác mọi mặt, kể cả an ninh - quốc phòng... Trong quan hệ với các nước lớn, Đảng và Nhà nước Việt Nam coi trọng việc dành ưu tiên cao cho việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng và đa dạng hóa thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, tạo lập lợi ích đan xen với các đối tác (Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Thị Quế, Nguyễn Thị Lê, 2007, tr.219-220).

Từ nhận thức đúng đối tác, đối tượng đó nên ngoại giao Việt Nam đã đạt được những kết quả rõ rệt: đến năm 2021, Việt Nam đã có 30 đối tác toàn diện và đối tác chiến lược, quan hệ tốt với các nước và các nền kinh tế lớn. Đó là: 5 nước trong thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, các nước trong G7. Hiện nay, Việt Nam đã xác lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước (Nga, Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Anh, Đức, Italia, Indonesia, Thái Lan, Singapore, Pháp, Malaysia, Philippines), quan hệ đối tác chiến lược theo lĩnh vực với 2 nước (Hà Lan, Đan Mạch), và quan hệ đối tác toàn diện với 13 nước khác (Hoa Kỳ, Ôtxtraylia, Malaysia, Venezuela, Ucraina, Brazil, Chile, Niu Dilân, Argentina, Nam Phi, Đan Mạch, Brunei, Hà Lan). Việc triển khai quan hệ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện được thực hiện có lộ trình chủ động, tích cực, có trọng tâm, trọng điểm, bắt đầu từ những bạn bè truyền thống (Liên bang Nga, Ấn Độ), những nước láng giềng khu vực (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc), những nước lớn ở châu Âu (Anh, Đức, Pháp)... và những đối tác quan trọng khác (Nguyễn Anh Cường, Phạm Quốc Thành, 2020, tr.85-91). Có thể nói, từ khi đổi mới năm 1986, sau Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị năm 1988, Nghị quyết 8 khóa IX là tài liệu thứ hai có tầm quan trọng chiến lược trong chính sách đối ngoại của Việt Nam, xác định nguyên tắc và phương thức đối ngoại của Việt Nam với tất cả các nước và các tổ chức quốc tế trong khu vực và thế giới, không phân biệt chế độ chính trị và trình độ phát triển.

6. Triển vọng cho đột phá mới - đối ngoại toàn diện, sâu rộng và xây dựng trường phái ngoại giao cây tre

Tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (1/2021), đường lối đối ngoại của Việt Nam đã được tổng kết qua 35 năm đổi mới để từ đó tiếp tục phát huy cho thời kỳ mới với nội dung cốt lõi: “Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.117-118).

Điểm đáng lưu ý trong đường lối của Đại hội XIII nói trên chính là “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả”. Quan điểm này đã được hình thành từ Hội nghị Trung ương 8 khóa VIII (12/1998): “Thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; thực hiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới...” (Bộ Ngoại giao, 2008, tr.26) và tiếp tục được phát triển trong Đại hội X (4/2006): “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006 tr.112). Đến Đại hội XI (1/2011), hội nhập không chỉ là lĩnh vực kinh tế mà đã mở rộng ở tất cả các lĩnh vực khác: “Đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr.235-236). Nhưng đến Đại hội XII (1/2016), trong hội nhập quốc tế lại cần lưu ý: “Hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr.155). Từ đó có thể thấy, trong quá trình hội nhập quốc tế thì lĩnh vực kinh tế rất được quan tâm và được nhiều lần nhấn mạnh. Nhưng lần này, tại Đại hội XIII của Đảng, khi thế và lực của Việt Nam đã đủ mạnh, uy tín quốc tế gia tăng thì việc hội nhập quốc tế không còn phụ thuộc vào kinh tế nữa mà hội nhập quốc tế cần sâu sắc ở tất cả các lĩnh vực theo phương châm “toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả”.

Không chỉ đổi mới và từng bước hoàn thiện trong các chủ trương được thể hiện ở các Văn kiện của Đảng, mà đổi mới ở Việt Nam thường bắt đầu từ những hoạt động thực tiễn. Thực tiễn phát triển

ở Việt Nam đòi hỏi các nhà tạo lập chính sách luôn cần quan sát thực tế và tổng kết kinh nghiệm cũng như truyền thống đối ngoại của chính dân tộc mình. Vì thế, quá trình đổi mới chính sách đối ngoại của Việt Nam hướng tới hội nhập với thế giới để phát triển Việt Nam, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc ngày càng định hình một bản sắc rất riêng, và đã được tổng kết thành “trường phái đối ngoại cây tre Việt Nam”, đó là: “Mềm mại, khôn khéo, nhưng rất kiên cường, quyết liệt; linh hoạt, sáng tạo nhưng rất bản lĩnh, kiên định, can trường trước mọi thử thách, khó khăn vì độc lập dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân. Đoàn kết, nhân ái, nhưng kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Biết nhu, biết cương; biết thời, biết thế; biết mình, biết người; biết tiến, biết thoái, “tùy cơ ứng biến”, “lạt mềm buộc chặt”!” (Nguyễn Phú Trọng, 2021). Xây dựng, củng cố trường phái này là Việt Nam đã biết kế thừa và phát huy truyền thống, bản sắc đối ngoại, ngoại giao và văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới và tư tưởng tiên bộ của thời đại, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là cơ sở cho dân tộc Việt Nam có thể tin tưởng cho một triển vọng tươi đẹp về đối ngoại của nước Việt Nam trong thời kỳ mới.

7. Kết luận

Đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới đã trải qua ba đột phá cùng với một triển vọng trong định hình trường phái đối ngoại mới. Đột phá hàng đầu đến từ quan điểm “hợp tác cùng tồn tại hòa bình” được đưa ra trong Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị (5/1988). Quan điểm này đã mở ra một trạng thái mới cho hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ đối đầu sang hợp tác với tất cả các đối tác chính như: Trung Quốc hay Mỹ, với Tây Âu, Bắc Âu và Nhật Bản, cũng như cải thiện quan hệ với ASEAN.

Đột phá thứ hai bằng quan điểm “đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại” được chính thức trở thành phương châm trong đối ngoại của Việt Nam tại Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994). Nhờ đó, Việt Nam đã chủ động tham gia nhiều hiệp định quốc tế, vào nhiều diễn đàn khu vực và liên châu lục, làm thành viên của nhiều tổ chức cũng như hoàn thành các trọng trách lớn trong Liên Hợp Quốc.

Đột phá thứ ba khi Việt Nam thực hiện quan điểm “đối tác, đối tượng” được phát triển từ Hội nghị Trung ương lần thứ 8 khóa IX (7/2003). Bằng quan điểm này, Việt Nam đã tạo ra thế đan xen lợi ích giữa các nước với Việt Nam và không bị rơi vào thế đối đầu, cô lập hay lệ thuộc. Cũng từ quan điểm đó, trong hoạt động đối ngoại, Việt Nam đã triển khai quan hệ đối ngoại với tất cả các nước, các tổ chức quốc tế trong khu vực và thế giới mà không phân biệt chế độ chính trị và trình độ phát triển. Và trong khi thực hiện quan hệ đối ngoại luôn biết đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết.

Tất cả những đột phá trên cùng với những bước tiến mạnh mẽ của thế và lực, cũng như uy tín quốc tế của Việt Nam ngày càng gia tăng đã cho phép Việt Nam tổng kết và định hình một trường phái đối ngoại mang những giá trị đặc sắc tốt đẹp của truyền thống dân tộc trong thời đại Hồ Chí Minh. Một trường phái mới mẻ được sinh ra trong thực tiễn đấu tranh và hội nhập quốc tế vô cùng phong phú ở Việt Nam. Trong thực tế, chính sách đối ngoại của Việt Nam không được hoạch định xuyên suốt trên bất kỳ lý thuyết hay trường phái đối ngoại nào đã có trên thế giới, mà nó là sự phản ánh từ hoàn cảnh rất riêng cho một mục tiêu cao nhất là vì độc lập, tự do, hạnh phúc của quốc gia, của dân tộc và được tổng kết thành “Trường phái đối ngoại Cây tre”. Đây là một thuật ngữ lý thuyết mới sẽ được làm rõ trong một công trình nghiên cứu khác.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Đối ngoại Trung ương (1992), Tinh thần cơ bản của nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ ba (khóa VII), tài liệu lưu trữ.
2. Ban Tư tưởng văn hóa Trung ương (2005), *Đối ngoại Việt Nam thời kì đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3. Bộ Ngoại giao (2008), *Biên niên ngoại giao Việt Nam 20 năm đổi mới (1986-2006)*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
4. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng (2003), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa IX về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, tháng 7/2003.
5. Nguyễn Anh Cường, Phạm Quốc Thành (2018), *Chính sách đối ngoại của Việt Nam*, tái bản lần thứ nhất, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.55, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
17. Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Thị Quế, Nguyễn Thị Lê (2007), *Chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ với Đông Nam Á sau Chiến tranh lạnh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
18. Học viện Ngoại giao (2009), *Việt Nam trong tiến trình hội nhập và phát triển*, Hà Nội.
19. Trung tâm lưu trữ Quốc gia III (1983), *Hồ sơ kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa VII từ ngày 19 đến 28/12/1983*, t.6: phiên họp ngày 22-12-1983 về công tác đối ngoại, Phòng Quốc hội.
20. Vũ Quang Vinh (2000), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hoạt động đối ngoại thời kỳ 1986-1996*, Luận án tiến sỹ Lịch sử, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
21. Cổng thông tin điện tử Chính phủ (2021), <http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCN-VietNam/ThongTinTongHop/kinhtexahoi>, truy cập ngày 22/12/2021.
22. Bùi Thanh Sơn (2021), “Đường lối đối ngoại Đại hội Đảng XIII kế thừa, phát triển và hoàn thiện đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới”, <https://dangcongsan.vn/thoi-su/duong-loi-doi-ngoai-dai-hoi-dang-xiii-ke-thua-phat-trien-va-hoan-thien-duong-loi-doi-ngoai-thoi-ky-doi-moi-598434.html>, truy cập ngày 20/12/2021.
23. Nguyễn Phú Trọng (2021), “Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam hiện đại và mang đậm bản sắc dân tộc”, <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/xay-dung-va-phat-trien-nen-doi-ngoai-ngoai-giao-viet-nam-hien-dai-va-mang-dam-ban-sac-dan-toc-680476>, truy cập ngày 21/12/2021.
24. Tamás Vonyó, Alexander Klein (2017), *Why did socialist economies fail?*, School of Economics Discussion Papers, No. 1708, University of Kent, School of Economics, Canterbury, <https://www.econstor.eu/bitstream/10419/175519/1/1708.pdf>, truy cập ngày 22/12/2021.